TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Số: **449**/2025/QĐST-V.HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Tân Phú, ngày 26 tháng 6 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào hồ sơ việc hôn nhân, gia đình thụ lý số: 339/2025/V.HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025, về "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" của người yêu cầu:

Ông **Trần Văn M**, số CCCD: 0960 8300 5121. Địa chỉ: F Kênh A, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà **Lê Thị Tuyết N**, số CCCD: 0511 8300 8418. Địa chỉ: F Kênh A, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Căn cứ: Điều 212, Điều 213, khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 361, Điều 362, Điều 396 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình; Luật thi hành án dân sự.

- Căn cứ Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 18 tháng 6 năm 2025,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 18 tháng 6 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Văn M và bà Lê Thị Tuyết N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: ông Trần Văn M và bà Lê Thị Tuyết N thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: ông Trần Văn M và bà Lê Thị Tuyết N không có con chung.

2.3. Về tài sản chung: ông Trần Văn M và bà Lê Thị Tuyết N tự thoả thuận giải quyết.

2.4. Về nợ chung: ông Trần Văn M và bà Lê Thị Tuyết N tự khai không có.

3. Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng, trừ vào số tiền lệ phí do ông Trần Văn M và bà Lê Thị Tuyết N đã tạm nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án Ký hiệu: BLTU/24P số 0078367, ngày 05/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Giấy chứng nhận kết hôn số 104/2009, quyển số 01/SK, ngày 03/9/2009 tại Ủy ban nhân dân phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, không còn giá trị kể từ ngày ban hành Quyết định này.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận Tân Phú;
- Người yêu cầu (để thi hành);
- Ủy ban nhân dân phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (để biết);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Nam Hải